

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ TỰ NHIÊN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023-2024. MÔN: SINH HỌC 9

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

A. Phạm vi ôn tập

Chương VI – P1: Ứng dụng di truyền học

Chương I – P2: Sinh vật và môi trường

B. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập:

- Trình bày được các hình thức ứng dụng di truyền học trong khoa học, đời sống.
- Nêu được khái niệm về môi trường và sự ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên sinh vật
- Vận dụng lý thuyết giải thích một số hiện tượng thực tế liên quan đến sinh vật và môi trường.

II. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MINH HOA

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Vì sao một số loài thực vật tự thụ phấn nghiêm ngặt hoặc động vật thường xuyên giao phối gần không bị thoái hóa khi tự thụ phấn hay giao phối cận huyết?

- A. Do chúng mang cặp gen đồng hợp không gây hại cho chúng.
- B. Do chúng có những gen có khả năng kiềm hãm sự biểu hiện bệnh của các cặp gen đồng hợp.
- C. Do khả năng gây bệnh của các gen đã bị bất hoạt.
- D. Do chúng mang cặp gen dị hợp không gây hại cho chúng

Câu 2: Phát biểu nào sau đây **đúng nhất** về khái niệm giao phối gần?

- A. Giao phối gần là sự giao phối giữa con cái sinh ra từ một cặp bố mẹ.
- B. Giao phối gần là sự giao phối giữa các cá thể cùng loài khác nhau.
- C. Giao phối gần là sự giao phối giữa con cái sinh ra từ một cặp bố mẹ hoặc giữa bố mẹ và con cái.
- D. Giao phối gần là sự giao phối giữa bố mẹ và con cái.

Câu 3: Điều **không phải** là biểu hiện của thoái hóa do tự thụ phấn ở cây giao phấn?

- A. Các cá thể của thế hệ kế tiếp có sức sống mạnh, sinh trưởng tốt.
- B. Các cá thể của thế hệ kế tiếp phát triển chậm.
- C. Các cá thể của thế hệ kế tiếp có năng suất giảm và có thể chết.
- D. Một số cá thể có thể bị bệnh bạch tạng, thân lùn.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây **không phải** là mục đích của việc ứng dụng tự thụ phấn và giao phối gần vào chọn giống và sản xuất?

- A. Tạo ra dòng thuần chủng để làm giống.
- B. Tập hợp các đặc tính quý vào giống để sản xuất.
- C. Củng cố và duy trì một số tính trạng mong muốn.
- D. Phát hiện và loại bỏ gen xấu ra khỏi quần thể.

Câu 5: Dựa vào khả năng thích nghi với sự thay đổi nhiệt độ, em hãy cho biết sinh vật nào dưới đây **không** cùng nhóm với những sinh vật còn lại?

- A.Ếch đồng B. Cá mè hoa C. Chim sẻ D. Dương xỉ

Câu 6: Để tạo ưu thế lai ở vật nuôi, chủ yếu người ta sử dụng phép lai:

- A. kinh tế. B. khác dòng. C. thuận nghịch. D. trở lại.



28

Câu 7: Phương pháp chọn lọc hàng loạt có nhược điểm là gì?

- A. Chi phí cao
- B. Chỉ dựa vào kiểu hình nên không đánh giá được chính xác đặc tính di truyền của kiểu gen
- C. Diễn ra trong thời gian dài
- D. Gặp nhiều khó khăn khi áp dụng đại trà trong sản xuất

Câu 8: Trong phương pháp cải tạo giống địa phương, người ta thường tiến hành theo cách nào dưới đây?

- A. Dùng con đực tốt nhất của giống địa phương lai với con cái tốt nhất của giống ngoại
- B. Dùng con cái tốt nhất của giống địa phương lai với con đực tốt nhất của giống ngoại
- C. Dùng con đực và con cái tốt nhất của giống địa phương lai với nhau
- D. Dùng con đực và con cái tốt nhất của giống ngoại lai với nhau

Câu 9: Để tạo ưu thế lai ở thực vật, người ta chủ yếu dùng phương pháp lai nào?

- A. Lai phân tích.
- B. Tự thụ phấn.
- C. Lai khác dòng.
- D. Lai kinh tế.

Câu 10: Phương pháp lai khác dòng được sử dụng rộng rãi ở thực vật nào sau đây?

- A. Ngô, lúa.
- B. Nha đam, mía.
- C. Chè, hoa hồng.
- D. Bắp cải, cà rốt.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây không đúng về ưu thế lai?

- A. Sự tập trung các gen trội có lợi ở cơ thể lai F1 là một nguyên nhân của hiện tượng ưu thế lai.
- B. Ưu thế lai biểu hiện cao nhất ở F1, sau đó giảm dần qua các thế hệ.
- C. Để khắc phục hiện tượng ưu thế lai giảm dần qua các thế hệ, người ta dùng phương pháp nhân giống hữu tính.
- D. Khi lai các dòng thuần với nhau, ưu thế lai biểu hiện rõ nhất

Câu 12: Hiện tượng cơ thể lai F1 có sức sống cao hơn, sinh trưởng nhanh hơn, phát triển mạnh hơn, chống chịu tốt hơn, các tính trạng năng suất cao hơn trung bình giữa hai bố mẹ hoặc vượt trội cả hai bố mẹ được gọi là gì?

- A. Ưu thế lai.
- B. Thoái hóa.
- C. Dòng thuần.
- D. Tự thụ phấn.

Câu 13: Phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Chim bồ câu thường xuyên giao phối gần nhưng không bị thoái hóa.
- B. Qua các thế hệ tự thụ phấn, tỉ lệ thể đồng hợp tăng còn thể dị hợp giảm.
- C. Tự thụ phấn làm tăng biến dị tổ hợp cung cấp nguyên liệu cho chọn giống và tiến hóa.
- D. Giao phối gần gây hiện tượng thoái hóa ở các thế hệ sau.

Câu 14: Những cây sống nơi khô hạn thường không có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Thân mọng nước
- B. Phiến lá rộng, mỏng, xanh nhạt
- C. Lá biến thành gai
- D. Rễ dài, đâm sâu vào lòng đất hoặc mọc lan rộng và nông

Câu 15: Động vật nào sau đây không thuộc nhóm động vật ưa ẩm?

- A. Thằn lằn
- B. Hà mã
- C. ếch đồng
- D. Hải cầu.

Câu 16: Loài chim nào dưới đây thường kiếm ăn vào ban đêm?

- A. Vạc
- B. Chào mào
- C. Cắt
- D. Khướu

Câu 17: Dựa vào khả năng thích nghi với các điều kiện nhiệt độ khác nhau, người ta phân chia động vật thành mấy nhóm chính?

- A. 5
- B. 3
- C. 2
- D. 4

Câu 18: Cây nào dưới đây là cây ưa bóng?

- A. Phi lao
- B. Vạn niên thanh
- C. Dứa gai
- D. Cỏ lạc đà

Câu 19: Giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định gọi là

A. khoảng thuận lợi.

B. điểm gây chết.

C. ổ sinh thái.

D. giới hạn sinh thái.

Câu 20: Sinh vật nào dưới đây sống trong môi trường nước ?

A. Xương rồng

B. Cá chép

C. Hoa hồng

D. Sắn lá gan

Câu 21: Sinh vật nào dưới đây sống trong môi trường sinh vật ?

A. Giun dũa, sán lông

B. Sán dây, giun đất

C. Giun dũa, sán lá gan

D. Giun kim, giun đỏ

Câu 22: Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái sau: mức độ ngập nước (1), nhiệt độ không khí (2), kiến (3), ánh sáng (4), rắn hổ mang (5), cây gỗ (6), gỗ mục (7), sâu ăn lá cây (8).

Những nhân tố nào thuộc nhóm nhân tố sinh thái vô sinh?

A. (1), (2), (4), (7)

B. (1), (2), (4), (5), (6)

C. (1), (2), (5), (6)

D. (3), (5), (6), (8)

Câu 23: Cho các phát biểu sau

1) Các sinh vật sống cùng loài thường hỗ trợ hoặc cạnh tranh lẫn nhau.

2) Trong mối quan hệ khác loài, các sinh vật hỗ trợ hoặc đối địch với nhau.

3) Địa y sống bám trên cây gỗ thuộc quan hệ ký sinh- bán ký sinh.

4) Tảo biển tiết chất độc vào môi trường nước gây tử vong cho nhiều loài tôm cá thuộc quan hệ ức chế cảm nhiễm.

Trong các phát biểu trên, các phát biểu đúng là

A. (1), (2), (3)

B. (1), (2), (4)

C. (1), (3), (4)

D. (2), (3), (4)

Câu 24: Chọn đáp án phù hợp điền vào chỗ trống: bao gồm những cây sống nơi quang đãng. ... bao gồm những cây sống nơi có ánh sáng yếu, ánh sáng tán xạ như cây sống dưới tán của cây khác, cây trồng làm cảnh đặt trong nhà.

A. Nhóm cây ưa bóng, nhóm cây ưa sáng.

B. Nhóm cây kỵ bóng, nhóm cây ưa sáng.

C. Nhóm cây ưa sáng, nhóm cây ưa bóng.

D. Nhóm cây ưa bóng, nhóm cây kỵ sáng.

Câu 25: Cho các loài động vật sau: cáo, dê, dơi, chồn, cú mèo, trâu, chó, nai.

Những loài động vật thuộc nhóm động vật ưa tối là

A. cáo, chồn, cú mèo.

B. cáo, dơi, chồn, cú mèo.

C. cáo, dơi, chồn.

D. cáo, dơi, cú mèo.

Câu 26: Hãy lựa chọn đáp án đúng về khái niệm Môi trường?

A. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố sinh thái vô sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh vật.

B. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố sinh thái vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống sinh vật.

C. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố sinh thái vô sinh hoặc hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh vật.

D. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm các nhân tố sinh thái hữu sinh ảnh hưởng gián tiếp đến đời sống sinh vật.

Câu 27: Cho các phát biểu sau:

1. Các nhân tố sinh thái thay đổi theo từng mức độ và thời gian.

2. Nhân tố sinh thái được chia thành hai nhóm: nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố sinh thái hữu sinh, con người không phải là nhân tố sinh thái.

3. Cây xanh là môi trường sống của vi sinh vật và nấm ký sinh.

4. Con người là một nhân tố sinh thái riêng.

Trong các phát biểu trên. Các phát biểu *sai* là:

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 28: Hãy lựa chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

A. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.

B. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm làm giảm nguồn thức ăn nhanh chóng.

C. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế sự cạn kiệt nguồn thức ăn.

D. Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm làm tăng nguồn thức ăn.

Câu 29: Quan hệ cộng sinh là

A. sự hợp tác cùng có lợi giữa các sinh vật cùng loài.

B. sự hợp tác cùng có lợi giữa các loài sinh vật.

C. sự hợp tác giữa hai loài sinh vật, trong đó một bên có lợi còn bên kia không có lợi cũng không có hại.

D. sinh vật sống nhờ trên cơ thể của sinh vật khác, lấy các chất dinh dưỡng, máu... từ sinh vật đó.

Câu 30: Cho các ví dụ sau

1. Hoa lan sống trên các cành gỗ mục trong rừng.

2. Địa y sống bám trên cành cây.

3. Tầm gửi sống bám trên cây thân gỗ.

4. Vi khuẩn sống nốt sần các cây họ đậu.

Trong các ví dụ trên, có bao nhiêu ví dụ biểu hiện quan hệ kí sinh-nửa kí sinh?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 31: Vì sao nhân tố con người được tách ra thành một nhóm nhân tố sinh thái riêng?

A. Vì con người có tư duy, có lao động.

B. Vì con người tiến hoá nhất so với các loài động vật khác.

C. Vì hoạt động của con người khác với các sinh vật khác, con người có trí tuệ nên vừa khai thác tài nguyên thiên nhiên lại vừa cải tạo thiên nhiên.

D. Vì con người có khả năng làm chủ thiên nhiên.

Long Biên, ngày 16 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI RA ĐỀ CƯƠNG

TỔ TRƯỞNG CM

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lương Thị Kim Yên

Nguyễn Thị Thanh Thúy



Cao Thị Phương Anh

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

TỔ XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ II

NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 9

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập: Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long (từ bài 31 đến hết bài 35)

2. Một số câu hỏi trọng tâm

2.1. Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập

- Xác định vị trí địa lí và nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long?
- Điều kiện tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long có những thuận lợi, khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội?
- Nêu những đặc điểm chủ yếu về dân cư, xã hội ở vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

2.2. Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng

- Giải thích vì sao Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh kinh tế biển? Có sức thu hút mạnh đầu tư nước ngoài?
- Giải thích tại sao cây cao su lại được trồng nhiều nhất vùng Đông Nam Bộ?
- Trình bày ý nghĩa của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long?
- Tại sao phải đặt vấn đề phát triển kinh tế đi đôi với nâng cao mật độ dân trí và phát triển đô thị ở vùng đồng bằng sông Cửu Long?

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA:

1. Bài tập trắc nghiệm

Em hãy chọn phương án đúng nhất và khoanh vào chữ cái tương ứng trong câu trả lời trắc nghiệm.

Câu 1: Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giáp biển ở Đông Nam Bộ là

- | | |
|---------------------------|---------------------------------------|
| A. Bình Dương, Bình Phước | B. TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu. |
| C. Tây Ninh, Đồng Nai. | D. Đồng Nai, Bình Dương. |

Câu 2: Khu vực đất liền ở Đông Nam Bộ không có đặc điểm tự nhiên nào sau đây?

- | | |
|--------------------------|------------------------------|
| A. Địa hình thoải. | B. Nhiều đất badan, đất xám. |
| C. Khí hậu cận xích đạo. | D. Thềm lục địa nông. |

Câu 3: Ý nào không đúng với vùng Đông Nam Bộ?

- A. Cơ cấu kinh tế tiên bộ nhất cả nước.
- B. Giá trị sản lượng công nghiệp lớn nhất cả nước.
- C. Vùng kinh tế năng động nhất cả nước.
- D. Giá trị sản lượng nông nghiệp lớn nhất cả nước.



Câu 4: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của Đông Nam Bộ là

- A. mùa khô kéo dài. B. đất đai kém màu mỡ.
C. tài nguyên rừng nghèo. D. tài nguyên khoáng sản ít.

Câu 5: Vùng Đông Nam Bộ gồm có mấy tỉnh, thành phố?

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 6: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Bình Phước B. Tây Ninh C. Đồng Nai D. Long An

Câu 7: Diện tích tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ là bao nhiêu nghìn km²?

- A. 44,4 B. 51,5 C. 54,7 D. 23,6

Câu 8: Ý nào sau đây không đúng với vùng Đông Nam Bộ?

- A. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển muộn hơn so với vùng Đồng bằng Sông Hồng
B. Cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn so với các vùng khác trong cả nước
C. Đang sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên
D. Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao

Câu 9: Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở ĐNB là

- A. Đất xám và đất phù sa B. Đất badan và đất feralit
C. Đất phù sa và đất feralit D. Đất badan và đất xám.

Câu 10: Nhà máy thủy điện Trị An nằm trên sông nào?

- A. Sông Sài Gòn B. Sông Bé
C. Sông Đồng Nai D. Sông Vàm Cỏ

Câu 11: Diện tích và sản lượng cây cao su của Đông Nam Bộ đứng thứ mấy cả nước?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 12: Vườn quốc gia Cát Tiên thuộc tỉnh/ thành phố nào?

- A. Đồng Nai B. Bình Phước
C. TP. Hồ Chí Minh D. Tây Ninh

Câu 13: Cho bảng số liệu:

Tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam năm 2015

(Đơn vị: triệu USD)

Vùng	Vốn đầu tư
Cả nước	281 882,5
Đông Nam Bộ	122 544,5
Các vùng khác	159 338,0

Vùng Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam năm 2015?

- A. 43,5%. B. 56,6%. C. 34,4%. D. 65,6%.

Câu 14: Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích khoảng:

- A. 20 000km² B. 30 000km² C. 40 000km² D. 50 000km²

Câu 15: Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Đất phèn B. Đất mặn C. Đất phù sa ngọt D. Đất cát ven biển

Câu 16: Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Xâm nhập mặn B. Cháy rừng C. Triều cường D. Thiếu nước ngọt

Câu 17: Đề hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay của Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Xây dựng hệ thống đê điều. B. Chủ động chung sống với lũ.
C. Tăng cường công tác dự báo lũ. D. Đầu tư cho các dự án thoát nước.

Câu 18: Các dân tộc ít người sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Tày, Nùng, Thái. B. Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.
C. Khơ me, Chăm, Hoa. D. Giáy, Dao, Mông.

Câu 19: Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông?

A. Đồng Nai. B. Mê Công. C. Thái Bình. D. Sông Hồng.

Câu 20: Chỉ số phát triển nào Đồng bằng Sông Cửu Long cao hơn bình quân chung cả nước?

A. Tỷ lệ hộ nghèo B. Tuổi thọ trung bình
C. Tỷ lệ người lớn biết chữ D. Tỷ lệ dân số thành thị

2. Bài tập tự luận

Câu 1: Nêu vị trí địa lý của vùng Đông Nam Bộ? Vị trí địa lý đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế của vùng?

Câu 2: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đông Nam Bộ đã mang đến những thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển kinh tế của vùng?

Câu 3: Nêu thế mạnh của một số tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

Câu hỏi vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tế:

Câu 4: Dựa vào kiến thức đã học giải thích tại sao cây cao su lại được trồng nhiều nhất vùng Đông Nam Bộ?

Câu 5: Trình bày ý nghĩa của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long?

Long Biên, ngày 15 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG TỔ TRƯỞNG CM KT HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hương

Nguyễn Thị Bích Thuận

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Chữ Thị Thu Hương

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Phạm vi ôn tập

Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân

Bài 13: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế

2. Một số câu hỏi trọng tâm

- *Câu hỏi định hướng nội dung lý thuyết cần ôn tập:*

+ Với mỗi đơn vị bài học, học sinh nắm được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện.

- *Câu hỏi vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tế, nâng cao, mở rộng*

+ Học sinh biết vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tế, nhận diện được các biểu hiện, hành vi đúng, chưa đúng. Từ đó, biết liên hệ thực tế bản thân.

II. MỘT SỐ BÀI TẬP MINH HỌA

Bài tập trắc nghiệm khách quan: Hãy ghi lại lựa chọn đúng nhất:

Câu 1. Em **không** đồng ý với ý kiến nào dưới đây khi nói về hôn nhân?

A. Hôn nhân phải được Nhà nước thừa nhận.

B. Mục đích chính của hôn nhân là để duy trì và phát triển kinh tế.

C. Hôn nhân nhằm mục đích chung sống lâu dài và xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc.

D. Hôn nhân là sự liên kết đặc biệt giữa một nam và một nữ trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

Câu 2. Thuế là khoản đóng góp có tính chất

A. tự nguyện.

B. bắt buộc.

C. ủng hộ nhân đạo.

D. quyền góp.

Câu 3. Thuế không có tác dụng:

A. đảm bảo phát triển kinh tế

C. thu lợi nhuận.

B. điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

D. ổn định thị trường.

Câu 4. Hành vi nào dưới đây vi phạm quy định của Nhà nước về kinh doanh?

A. Mở dịch vụ vận tải.

B. Sản xuất hàng gia dụng.

C. Buôn bán vũ khí, thuốc nổ.

D. Bán đồ ăn nhanh.

Câu 5. Hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở quan trọng nào?

A. Hoàn cảnh gia đình tương xứng.

B. Hợp nhau về gu thời trang.

C. Tình yêu chân chính.

D. Có việc làm ổn định.

Câu 6. Ý nào vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam?

A. Hôn nhân tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

B. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, không ai có quyền can thiệp.

C. Hôn nhân giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo.

D. Hôn nhân cùng lúc giữa một công dân Việt Nam với hai người nước ngoài.

Câu 7. Pháp luật Việt Nam quy định độ tuổi nào dưới đây được phép kết hôn?

A. Nam, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.

B. Nam, nữ từ đủ 20 tuổi trở lên.



- C. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên.
- D. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 8. Pháp luật Việt Nam **không** cấm kết hôn những trường hợp nào dưới đây?

- A. Người đã từng có vợ, có chồng.
- B. Người mất năng lực hành vi dân sự.
- C. Giữa những người có họ trong phạm vi ba đời.
- D. Giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây **không** nói về vai trò của thuế?

- A. Ổn định thị trường
- B. Điều chỉnh cơ cấu kinh tế.
- C. Điều tiết kinh doanh
- D. Thúc đẩy quan hệ đối ngoại.

Câu 10. Hành vi nào dưới đây vi phạm quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế?

- A. Mở rộng quy mô kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- B. Buôn bán hàng giả, trốn thuế để tăng lợi nhuận.
- C. Nộp thuế đầy đủ, đúng hạn để yên tâm kinh doanh.
- D. Kê khai đúng doanh thu và mặt hàng kinh doanh.

Câu 11. Ý kiến nào dưới đây đúng về quyền tự do kinh doanh?

- A. Tự do kinh doanh nhưng phải theo đúng quy định của pháp luật.
- B. Kinh doanh là quyền tự do của mỗi người, không ai có quyền can thiệp.
- C. Công dân có quyền kinh doanh bất kì nghề gì, hàng gì.
- D. Công dân không phải kê khai thuế và mặt hàng kinh doanh.

Câu 12. Nhận định nào sau đây là **không** đúng?

- A. Công dân có quyền tự do kinh doanh bất cứ ngành nghề nào mà mình thích.
- B. Kinh doanh theo đúng mặt hàng và số lượng đã đăng kí.
- C. Kinh doanh bất cứ ngành nghề nào mà pháp luật không cấm.
- D. Tự do kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế.

Câu 13.: Hành vi nào **không** vi phạm quy định của pháp luật trong hôn nhân?

- A. Kết hôn giả, li hôn giả.
- B. Cản trở việc tảo hôn.
- C. Yêu sách của cải trong kết hôn.
- D. Cản trở việc li hôn.

Câu 14. Thuế là một phần trong thu nhập mà công dân và tổ chức kinh tế có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước để:

- A. trả lương lao động trong công ty tư nhân.
- B. khắc phục hậu quả do cá nhân làm sai.
- C. chi vào việc riêng của cá nhân.
- D. chi tiêu cho những công việc chung.

Câu 15. Ý nào **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân?

- A. Kết hôn khi nam, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.
- B. Cha mẹ có quyền quyết định về hôn nhân của con.
- C. Trong gia đình, người chồng là người quyết định mọi việc.
- D. Kết hôn do nam nữ tự nguyện, trên cơ sở tình yêu chân chính.

Câu 16. Người kinh doanh có nghĩa vụ:

- A. kê khai thiếu trung thực để trốn thuế.
- B. sản xuất, buôn bán hàng giả.
- C. kinh doanh mặt hàng Nhà nước cấm.
- D. nộp thuế theo luật định.

Câu 17. Quyền tự do kinh doanh là quyền của công dân được lựa chọn:

- A. kinh doanh mà không cần đóng thuế.
- B. hợp tác kinh doanh với bất kì ai.
- C. hình thức tổ chức kinh tế, ngành nghề và quy mô kinh doanh.
- D. kinh doanh bất cứ mặt hàng gì.

Câu 18. Ý kiến nào dưới đây **không đúng** khi nói về hôn nhân?

- A. Vợ chồng phải bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.
- B. Tình yêu chân chính là cơ sở quan trọng của hôn nhân.
- C. Muốn hôn nhân hạnh phúc phải có sự môn đăng hộ đối.
- D. Nam, nữ có quyền kết hôn, li hôn theo quy định của pháp luật.

Câu 19. Hiện tượng lấy vợ, lấy chồng sớm trước tuổi quy định của pháp luật gọi là

- A. tái hôn.
- B. tảo hôn.
- C. li hôn.
- D. kết hôn.

Câu 20. Cửa hàng tạp hoá cạnh nhà em thường xuyên bán thuốc lá cho một nhóm học sinh để sử dụng. Là người hiểu về quyền tự do kinh doanh, em cần làm gì?

- A. Không quan tâm vì không liên quan đến mình.
- B. Góp ý, phê bình nhắc nhở chủ cửa hàng.
- C. Nhờ bố mẹ báo với lực lượng chức năng để giải quyết.
- D. Giả vờ như không biết để tránh phiền phức.

Long Biên, ngày 15 tháng 02 năm 2024

Người lập đề cương

NHÓM TRƯỞNG

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Thuận

Phạm Thị Thanh Thủy

Chủ Thị Thu Hường

**TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ NGOẠI NGỮ - NĂNG KHIẾU**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II
MÔN: THỂ DỤC 9
NĂM HỌC 2023 - 2024**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua nội dung và thành tích nhảy cao kiểu “bước qua”.

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ, tự học biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ.

- Năng lực đặc thù:

+ Thực hiện các động tác cơ bản đúng, chính xác, đẹp.

+ Có sự phát triển về năng lực liên kết vận động, năng lực định hướng.

+ Biết vận dụng và tự tập luyện hằng ngày để giữ gìn và nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực.

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất trung thực trong kiểm tra.

- Chăm chỉ, tích cực, chủ động trong các hoạt động học tập.

- Đảm bảo tính tổ chức kỷ luật cao, an toàn tuyệt đối của lớp học.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

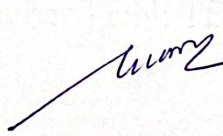
- Thực hiện kỹ thuật và thành tích nhảy cao kiểu “bước qua”.

Long Biên, ngày 16 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG

TPCM

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**


Nguyễn Xuân Trường


Trần Thị Diệu


Chủ Thị Thu Hương

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN
TỔ NGOẠI NGỮ - NĂNG KHIẾU

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: ÂM NHẠC 9

NĂM HỌC: 2023-2024

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua nội dung bài hát, bài TĐN.

2. Năng lực:

- Qua bài học rèn luyện kỹ năng nghe, hát cho học sinh. Kỹ năng hoạt động theo nhóm, cá nhân, kỹ năng trình bày tác phẩm.

- Biết vận dụng và tự tập luyện hằng ngày để phát triển năng lực : Năng lực thực hành âm nhạc, năng lực hiểu biết âm nhạc, năng lực cảm thụ âm nhạc, năng lực trình diễn âm nhạc.

- Biết trình bày theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca, hát nối tiếp, hòa giọng.

3. Phẩm chất

- Kiểm tra giúp các em tự đánh giá mình trong việc học tập thời gian qua và điều chỉnh hoạt động học tập ngày càng tốt hơn. Học sinh có thái độ học tập nghiêm túc.

II. Phạm vi ôn tập

- Ôn 2 bài hát:

+ Bóng dáng một ngôi trường

+ Nụ cười

- Ôn bài TĐN: TĐN số 1

Long Biên, ngày 16 tháng 02 năm 2024

NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG

TỔ PCM

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích

Trần Thị Đậu



Chủ Thị Thu Hương

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN

TỔ TỰ NHIÊN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

NĂM HỌC: 2023 – 2024

MÔN: TOÁN 9

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập

1.1. Chương III – Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn:

- Các phương pháp giải hệ phương trình
- Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình

1.2. Chương IV – Phương trình bậc hai một ẩn

Hàm số và đồ thị hàm số $y = ax^2$

1.3. Chương III – Góc với đường tròn

- Các góc với đường tròn: góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây, góc có đỉnh ở trong và ngoài đường tròn
- Liên hệ giữa cung và dây
- Tứ giác nội tiếp

2. Một số câu hỏi trọng tâm

- Tính chất của hàm số $y = ax^2$
- Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.
- Định nghĩa, tính chất của: góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây, góc có đỉnh ở trong và ngoài đường tròn.
- Liên hệ giữa cung và dây.
- Định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA.

1. Bài tập trắc nghiệm:

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1. Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất hai ẩn:

- A. $3xy + 2x = 1$ B. $2x + 5y = 3$ C. $-2x + 3y = xy$ D. $0x + 0y = 2$

Câu 2. Tìm m và n để $\begin{cases} mx - 2y = 1 \\ x + ny = -2 \end{cases}$ nhận $(-2; -1)$ là nghiệm?

- A. $\begin{cases} m = 2 \\ n = 0 \end{cases}$ B. $\begin{cases} m = -\frac{1}{2} \\ n = 1 \end{cases}$ C. $\begin{cases} m = -\frac{1}{2} \\ n = 0 \end{cases}$ D. $\begin{cases} m = \frac{1}{2} \\ n = 1 \end{cases}$

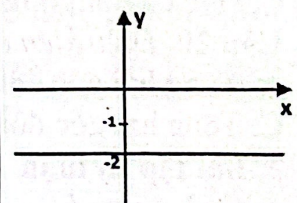
Câu 3. Công thức nghiệm tổng quát của phương trình $2x + y = 0$ là:

- A. $(x \in \mathbb{R}; y = -2x)$ B. $(x \in \mathbb{R}; y = 2x)$ C. $(x = 2y; y \in \mathbb{R})$ D. $(x = 0; y \in \mathbb{R})$

Câu 4. Hình vẽ sau đây biểu diễn hình học tập nghiệm của phương trình nào?

- A. $2x - 0y = -4$ B. $0x + 3y = -6$
C. $0x - y = -2$ D. $-3x + 0y = -6$

Câu 5. Hệ phương trình $\begin{cases} 3x - 2y = 12 \\ 2x + 5y = -11 \end{cases}$ có nghiệm là:



A. $(x; y) = (-3; 2)$ B. $(x; y) = (3; -2)$ C. $(x; y) = (2; -3)$ D. $(x; y) = (-2; 3)$

Câu 6. Với giá trị nào của a thì hệ $\begin{cases} ax + 2y = a \\ x + y = 1 \end{cases}$ có vô số nghiệm?

A. $a = 1$ B. $a = -1$ C. $a = 1$ hoặc $a = -1$ D. $a = 2$

Câu 7. Hệ phương trình nào sau đây có một nghiệm duy nhất?

A. $\begin{cases} y = 3x + 2 \\ y = 3x - 1 \end{cases}$ B. $\begin{cases} y = -2x + 5 \\ y = 2x - 5 \end{cases}$ C. $\begin{cases} 0x - 2y = 1 \\ 0x + 4y = 3 \end{cases}$ D. $\begin{cases} 2x - 0y = 3 \\ x + 0y = -1 \end{cases}$

Câu 8. Tọa độ giao điểm của hai đường thẳng $x - y = 1$ và $2x + 3y = 7$ là:

A. $(-1; -2)$ B. $(1; 0)$ C. $(-2; -3)$ D. $(2; 1)$

Câu 9. Cặp số $(2; 1)$ là nghiệm của phương trình nào?

A. $3x - 2y = 7$ B. $0x - 2y = 4$ C. $3x + 0y = 3$ D. $x + 2y = 4$

Câu 10. Đường thẳng đi qua hai điểm $A(1; 3)$ và $B(2; 2)$ có phương trình là:

A. $y = x + 3$ B. $y = 2x + 2$ C. $y = -x + 4$ D. $y = -4x - 1$

Câu 11. Hàm số $y = mx^2$ đồng biến với $x > 0$ khi:

A. $m > 0$ B. $m < 0$ C. $m \geq 0$ D. $m \neq 0$

Câu 12. Đồ thị hàm số $y = (2 - m)x^2$ là Parabol nằm phía trên trục hoành khi:

A. $m \neq 2$ B. $m < 2$ C. $m > 2$ D. $m = 2$

Câu 13. Phương trình $(2 - m)x^2 - 3x + 5 = 0$ là phương trình bậc hai một ẩn khi:

A. $m \neq 2$ B. $m \neq 0$ C. $m > 2$ D. $m < 2$

Câu 14. Phương trình bậc hai $3x^2 - 5x + 2 = 0$ có các hệ số a, b, c lần lượt là:

A. 3; 5; 2 B. 3; -5; -2 C. 3; 5; -2 D. 3; -5; 2

Câu 15. Số đo của cung nhỏ trong một đường tròn bằng:

A. Độ dài của cung. B. Số đo của góc ở tâm chắn cung đó.
C. Số đo của góc ở tâm. D. 360° trừ đi số đo cung bị chắn.

Câu 16. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng?

A. Nếu hai cung bằng nhau thì có số đo bằng nhau.
B. Nếu hai cung có số đo bằng nhau thì hai cung đó bằng nhau.
C. Hai dây bằng nhau căng hai cung bằng nhau.
D. Đối với 2 cung của 1 đường tròn, cung lớn hơn căng dây lớn hơn.

Câu 17. Trong một đường tròn góc nội tiếp chắn nửa đường tròn là

A. góc bẹt. B. góc tù C. góc vuông D. góc nhọn

Câu 18. Trong một đường tròn góc có số đo bằng nửa tổng số đo của hai cung bị chắn là

A. góc nội tiếp B. góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung
C. góc có đỉnh bên trong đường tròn. D. góc có đỉnh bên ngoài đường tròn.

Câu 19. Trong một đường tròn góc nào sau đây bằng góc nội tiếp cùng chắn một cung:

A. Góc ở tâm B. Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn
C. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn D. Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung

Câu 20. Điều kiện để một tứ giác nội tiếp một đường tròn là:

A. Tổng hai góc đối bằng 180° . B. Tổng hai góc đối nhỏ hơn 180° .
C. Tổng hai góc đối lớn hơn 180° . D. Hai góc đối bằng nhau.

2. Bài tập tự luận

A. Phần đại số

1. Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn

Bài 1: Giải các hệ phương trình sau:

a)
$$\begin{cases} 4x + y = 2 \\ 8x + 3y = 5 \end{cases}$$

c)
$$\begin{cases} 2(x + y) + 3(x - y) = 4 \\ (x + y) + 2(x - y) = 5 \end{cases}$$

e)
$$\begin{cases} \frac{1}{x-2} + \frac{1}{y-1} = 2 \\ \frac{2}{x-2} - \frac{3}{y-1} = 1 \end{cases}$$

b)
$$\begin{cases} 2x - 11y = -7 \\ 10x + 11y = 31 \end{cases}$$

d)
$$\begin{cases} 2\sqrt{x-1} - \sqrt{y-1} = 1 \\ \sqrt{x-1} + \sqrt{y-1} = 2 \end{cases}$$

f)
$$\begin{cases} \frac{x}{2} - \frac{y}{3} = 1 \\ \frac{x}{4} + \frac{2y}{3} = 8 \end{cases}$$

Bài 2: Cho hệ phương trình
$$\begin{cases} (m-3)x + y = 5 \\ x - y = 7 \end{cases}$$

a) Giải hệ phương trình khi $m = 4$

b) Tìm m để hệ phương trình có nghiệm duy nhất.

Bài 3: Cho hệ phương trình
$$\begin{cases} (m-1)x + y = 3 \\ (3-m)x - y = m \end{cases}$$

a) Giải hệ phương trình khi $m = 0$

b) Tìm m để hệ phương trình có nghiệm $(x; y)$ thỏa mãn: $x + y = 6$

Bài 4: Xác định hàm số $y = ax + b$ biết rằng đồ thị của nó đi qua hai điểm:

a) $A(3; -2)$ và $B(-1; 2)$

b) $A(2; -3)$ và $B(-2; 1)$

2. Giải toán bằng cách lập hệ phương trình (toán thực tế)

I. Dạng toán chuyển động.

Bài 5 : Một ô tô dự định đi từ A đến B trong một thời gian nhất định. Nếu xe chạy với vận tốc 35 km/h thì đến chậm mất 2 giờ. Nếu xe chạy với vận tốc 50 km/h thì đến nơi sớm hơn 1 giờ. Tính quãng đường AB và thời gian dự định lúc đầu.

Bài 6: Quãng đường AB dài 210 km. Hai ô tô khởi hành cùng một lúc đi từ A đến B. Ô tô thứ nhất chạy nhanh hơn ô tô thứ hai 12 km/h, nên đến B trước ô tô thứ hai 2 giờ. Tính vận tốc của mỗi ô tô.

Bài 7: Hai ô tô khởi hành cùng một lúc từ 2 tỉnh A và B cách nhau 60 km đi cùng chiều về phía C.

(B nằm giữa A và C) và đuổi kịp nhau sau 2 giờ. Nếu vận tốc của ô tô đi từ A tăng thêm 10 km/h thì bằng 2 lần vận tốc ô tô đi từ B. Tính vận tốc mỗi ô tô?

II. Dạng toán chung - riêng

Bài 8: An và Bình cùng làm chung một công việc trong 7 giờ 20 phút thì xong. Nếu An làm trong 5 giờ và Bình làm trong 6 giờ thì cả hai người làm được $\frac{3}{4}$ công việc.

Hỏi mỗi người làm một mình làm công việc đó thì trong mấy giờ xong?

Bài 9: Hai vòi nước cùng chảy vào bể thì sau 1 giờ 20' thì bể đầy. Nếu mở vòi thứ nhất chảy trong 10 phút và vòi thứ 2 chảy trong 12 phút thì được $\frac{2}{15}$ bể. Hỏi mỗi vòi chảy một mình thì bao nhiêu lâu mới đầy bể?

III. Dạng toán phần trăm

Bài 10: Hai tổ sản xuất được giao làm 900 sản phẩm trong một thời gian quy định. Nhờ tăng năng suất lao động, tổ một vượt mức 20%, tổ hai vượt mức 30% nên cả hai tổ đã làm được 1130 sản phẩm. Tính số sản phẩm mỗi tổ phải làm theo kế hoạch?

Bài 11: Hai trường A và B có 430 học sinh thi đỗ vào lớp 10, đạt tỷ lệ là 86%. Riêng trường A tỷ lệ đỗ là 90%. Riêng trường B tỷ lệ đỗ là 80%. Tính số học sinh dự thi của mỗi trường?

IV. Toán có nội dung hình học :

Bài 12: Một khu vườn hình chữ nhật có chu vi là 280m, người ta làm một lối đi xung quanh vườn (thuộc đất của vườn) rộng 2m. Diện tích đất còn lại để trồng trọt là 4256 m². Tính các kích thước của vườn.

Bài 13: Một miếng đất hình chữ nhật có chu vi 80 m. Nếu chiều rộng tăng thêm 5 m và chiều dài tăng thêm 3 m thì diện tích sẽ tăng thêm 195 m². Tính các kích thước của miếng đất.

V. Toán năng suất :

Bài 14: Một tổ công nhân phải làm 144 dụng cụ. Do 3 công nhân chuyển đi làm việc khác nên mỗi người còn lại phải làm thêm 4 dụng cụ. Tính số công nhân của tổ lúc đầu (năng suất mỗi người như nhau).

Bài 15: Một đội máy kéo dự định mỗi ngày cày 40 ha. Khi thực hiện mỗi ngày đội máy kéo cày được 52 ha. Vì vậy đội không những đã cày xong trước thời hạn 2 ngày mà còn cày thêm được 4 ha nữa. Tính diện tích thửa ruộng mà đội phải cày theo kế hoạch dự định.

Bài 16: Một tổ dệt khăn mặt, mỗi ngày theo kế hoạch phải dệt 500 chiếc, nhưng thực tế mỗi ngày đã dệt thêm được 60 chiếc, cho nên chẳng những đã hoàn thành kế hoạch trước 3 ngày mà còn dệt thêm được 1200 khăn mặt so với kế hoạch. Tìm số khăn mặt phải dệt theo kế hoạch lúc đầu.

3. Hàm số và đồ thị

Bài 17: Cho hàm số $y = 2x + 3$ và $y = x + 3$

a) Vẽ đồ thị 2 hàm số trên cùng một hệ trục tọa độ.

b) Gọi giao điểm của đường thẳng $y = 2x + 3$ với các trục Ox, Oy lần lượt tại A và B; giao điểm của đường thẳng $y = x + 3$ với các trục Ox, Oy lần lượt tại C, D. Tính các góc của tam giác ABC (làm tròn đến phút)

Bài 18: Cho hàm số : $y = (m - 1).x + m$ (d)

a) Tìm m để đồ thị hàm số đi qua điểm (-2; 5)

b) Tìm m để đồ thị hàm số đi qua điểm (1; -3)

c) Vẽ đồ thị hàm số ứng với giá trị của m tìm được ở câu a, b.

Bài 19: Cho hàm số $y = (2m + 1)x - 2m$

a) Tìm m để đồ thị hàm số cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng 2.

b) Tìm m để đồ thị hàm số cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng -1

c) Vẽ đồ thị của các hàm số ứng với các giá trị vừa tìm được ở câu a, b

Bài 20 : Cho hàm số $y = 2x - 3$ (d₁) và $y = 3x$ (d₂)

a) Vẽ trên cùng một mặt phẳng tọa độ đồ thị của hai hàm số trên.

b) Tìm tọa độ giao điểm của hai đường thẳng (d₁), (d₂).

Bài 21: Cho hàm số $y = f(x) = \frac{1}{3}x^2$

- a) Vẽ đồ thị hàm số
- b) Tìm x , biết rằng $f(x) = 12$
- c) Chứng minh rằng $f(5) + f(12) = f(13)$

B. Phần hình học

Bài 22: Cho tam giác ABC vuông tại A ($AC > AB$). Trên đoạn AC lấy điểm M và vẽ đường tròn đường kính MC. Tia BM cắt đường tròn tại D. Đường thẳng AD cắt đường tròn tại S.

- a. Chứng minh: Tứ giác ABCD là tứ giác nội tiếp.
- b. Chứng minh: CA là phân giác của góc SCB.
- c. Gọi H là giao điểm thứ hai của đường tròn đường kính MC với BC. Chứng minh: các đường thẳng AB; MH; CD đồng qui.
- d. Chứng minh: M là tâm đường tròn nội tiếp tam giác ADH.
- e. Cho $\widehat{ABC} = 72^\circ$; $\widehat{BCD} = 73^\circ$ tính các góc của tam giác AHD.
- g. Trong trường hợp DA là tiếp tuyến của đường tròn đường kính MC thì M ở vị trí nào?

Bài 23: Cho tam giác ABC cân tại A có $\widehat{A} < 120^\circ$ nội tiếp đường tròn tâm O, bán kính R. Từ điểm A đặt 2 cung AD bằng cung AE bằng 60° (D trên cung ABC)

- a. Chứng minh: Tứ giác ADOE là hình thoi.
- b. Chứng minh: Tứ giác DECB là hình thang cân.
- c. Tam giác ABC phải có thêm điều kiện gì để DECB là hình chữ nhật?
- d. Lấy F trên (O) sao cho E là điểm chính giữa cung AF. Vẽ tiếp tuyến với (O) tại A và F cắt nhau tại K. Chứng minh: $OK \parallel AD$.
- e. Chứng minh: O; K; E thẳng hàng.
- g. Gọi H là giao điểm OK và AF. CM: $OH \cdot OK = R^2$

Bài 24: Tam giác ABC cân tại A có góc A bằng 120° . D là điểm đối xứng của A qua BC. Ta lấy trên cạnh AB điểm E (Khác A và B). Gọi F là giao điểm của hai đường thẳng BD và CE, M là giao điểm của hai đường thẳng AF và DE.

- a. Chứng minh: $\triangle ACE \sim \triangle DFC$; $\triangle EAD \sim \triangle ADF$.
- b. Tính góc AMD và chứng minh tứ giác ADBM nội tiếp; điểm M chạy trên đường nào khi E di chuyển trên cạnh AB.
- c. Với vị trí nào của điểm E thì tứ giác ADBM có diện tích lớn nhất và tính giá trị lớn nhất đó, cho biết $AB = a$.
- d. Chứng minh: $MA + MB = MD$.

Bài 25: Cho đường (O; R) và đường thẳng d không có điểm chung với đường tròn. Gọi M là điểm thuộc đường thẳng d. Qua M kẻ hai tiếp tuyến MA, MB tới đường tròn. Hạ OH vuông góc d tại H. Nối AB cắt OH tại K, cắt OM tại I. Tia OM cắt đường tròn (O; R) tại E.

- 1. Chứng minh bốn điểm A, O, B, M cùng thuộc một đường tròn
- 2. Chứng minh $OK \cdot OH = OI \cdot OM$;
- 3. Chứng minh E là tâm đường tròn nội tiếp tam giác MAB;
- 4. Tìm vị trí của M trên đường thẳng d để diện tích tam giác OIK có giá trị lớn nhất.

Bài 26: Cho nửa đường tròn (O; R) đường kính AB. Điểm M thuộc nửa đường tròn. Gọi H là điểm chính giữa cung AM. Tia BH cắt AM tại I. Tiếp tuyến của nửa đường tròn tại A cắt BH tại K. Nối AH cắt BM tại E.

- 1. Chứng minh tam giác BAE là tam giác cân.
- 2. Chứng minh $KH \cdot KB = KE^2$.
- 3. Đường tròn tâm B, bán kính BA cắt AM tại N. Chứng minh tứ giác BIEN nội tiếp.
- 4. Tìm vị trí của M để $\angle MKA = 90^\circ$.

Bài 27: Cho tam giác ABC vuông tại A có góc $ABC = 60^\circ$, M là điểm tùy ý trên cạnh AC . Vẽ đường tròn tâm O đường kính MC cắt BC tại E . Đường thẳng BM cắt (O) tại N , AN cắt (O) tại D . Lấy điểm K đối xứng với M qua E .

1. Chứng minh tứ giác $BANC$ nội tiếp.
2. Chứng minh CA là tia phân giác của góc BCD .
3. Tìm vị trí của M trên AC để tứ giác $MBKC$ là hình thoi.
4. Lấy điểm I đối xứng với M qua A . Tìm vị trí của M để đường tròn ngoại tiếp tam giác BIK có bán kính nhỏ nhất.

Bài 28: Cho đường tròn (O) có hai đường kính AB và CD vuông góc với nhau. Điểm M thuộc cung nhỏ BD sao cho $\widehat{BOM} = 30^\circ$. Gọi N là giao điểm của CM và OB . Tiếp tuyến tại M của đường tròn (O) cắt OB , OD kéo dài lần lượt tại E và F . Đường thẳng qua N và vuông góc với AB cắt EF tại P .

1. Chứng minh: $OMNP$ là tứ giác nội tiếp.
2. Chứng minh $\triangle EMN$ là tam giác đều.
3. Chứng minh $CN = OP$.
4. Gọi H là trực tâm của $\triangle AEF$. Hỏi 3 điểm A, H, P có thẳng hàng không? Vì sao?

Long Biên, ngày 16 tháng 2 năm 2024

NGƯỜI RA ĐỀ CƯƠNG

NHÓM TRƯỞNG

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Thu



Đào Thị Thu



Cao Thị Phương Anh

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi ôn tập: Từ bài 33 đến bài 40

2. Một số câu hỏi trọng tâm

- + Thế nào là dòng điện xoay chiều? Nêu các cách tạo ra dòng điện xoay chiều?
- + Sơ lược cấu tạo và hoạt động của máy phát điện xoay chiều?
- + Nêu các tác dụng của dòng điện xoay chiều và cách đo U và I xoay chiều
- + Nêu các biện pháp làm giảm hao phí điện năng do toả nhiệt trên đường dây tải điện? Biện pháp nào tốt hơn? Vì sao?
- + Nêu cấu tạo và hoạt động của MBT? Tại sao không dùng dòng điện một chiều để chạy MBT?
- + Thế nào là hiện tượng khúc xạ ánh sáng? Phân biệt hiện tượng khúc xạ và hiện tượng phản xạ ánh sáng.

Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng

- + Dựa vào công thức tính hao phí để tính công suất hao phí, tính các yếu tố để làm giảm hao phí
- + Tính các yếu tố liên quan tới máy biến thế.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA:

Dạng 1: Trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Trong trường hợp nào dưới đây, trong cuộn dây dẫn kín xuất hiện dòng điện cảm ứng ?

- A. Số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín lớn.
- B. Số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín được giữ không thay đổi.
- C. Số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín thay đổi.
- D. Từ trường xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín mạnh.

Câu 2: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống

Dòng điện cảm ứng chỉ xuất hiện trong cuộn dây dẫn kín trong thời gian có sự..... qua tiết diện S của cuộn dây.

- A. biến đổi của cường độ dòng điện.
- B. biến đổi của thời gian.
- C. biến đổi của dòng điện cảm ứng.
- D. biến đổi của số đường sức từ.

Câu 3: Khi đưa một cực của nam châm lại gần hay ra xa đầu cuộn dây thì

- A. Số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn không đổi.
- B. Số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn luôn tăng.
- C. Số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn tăng hoặc giảm (biến thiên).
- D. Số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn luôn giảm.

Câu 4: Dòng điện xoay chiều là:

- A. dòng điện luân phiên đổi chiều.
- B. dòng điện không đổi.
- C. dòng điện có chiều từ trái qua phải
- D. dòng điện có một chiều cố định.

Câu 5 : Trong máy phát điện xoay chiều roto là nam châm, khi máy hoạt động thì nam châm có tác dụng gì?

- A. Tạo ra từ trường.
- B. Làm cho số đường sức từ qua tiết diện cuộn dây tăng.

Câu 17: Trên cùng một đường dây tải điện, nếu tăng hiệu điện thế ở hai đầu dây dẫn lên 100 lần thì công suất hao phí do tỏa nhiệt trên đường dây sẽ

- A. Tăng 100 lần.
- B. Giảm 100 lần.
- C. Tăng 10000 lần.
- D. Giảm 10000 lần.

Câu 18: Máy phát điện xoay chiều là thiết bị dùng để:

- A. Biến đổi điện năng thành cơ năng.
- B. Biến đổi cơ năng thành điện năng.
- C. Biến đổi nhiệt năng thành điện năng
- D. Biến đổi quang năng thành điện năng.

Câu 19: Một máy biến thế dùng trong nhà cần phải hạ hiệu điện thế từ 220V xuống còn 10V, cuộn dây sơ cấp có 4400 vòng. Hỏi cuộn dây thứ cấp có bao nhiêu vòng?

- A. 200 vòng.
- B. 600 vòng.
- C. 400 vòng.
- D. 800 vòng.

Câu 20: Máy phát điện xoay chiều bắt buộc phải gồm các bộ phận chính nào để có thể tạo ra dòng điện?

- A. Nam châm vĩnh cửu và sợi dây dẫn nối hai cực nam châm.
- B. Nam châm điện và sợi dây dẫn nối nam châm với đèn.
- C. Cuộn dây dẫn và nam châm.
- D. Cuộn dây dẫn và lõi sắt.

Câu 21: Với : n_1 , n_2 lần lượt là số vòng dây cuộn sơ cấp và cuộn thứ cấp; U_1 , U_2 là hiệu điện thế giữa hai đầu dây cuộn sơ cấp và cuộn thứ cấp của một máy biến thế ta có biểu thức **không đúng** là:

- A. $\frac{U_1}{U_2} = \frac{n_1}{n_2}$.
- B. $U_1 \cdot n_1 = U_2 \cdot n_2$.
- C. $U_2 = \frac{U_1 n_2}{n_1}$.
- D. $U_1 = \frac{U_2 n_1}{n_2}$.

Câu 22: Hiện tượng khúc xạ ánh sáng là hiện tượng tia sáng tới khi gặp mặt phân cách giữa hai môi trường:

- A. bị hắt trở lại môi trường cũ.
- B. bị hấp thụ hoàn toàn và không truyền đi vào môi trường trong suốt thứ hai.
- C. tiếp tục đi thẳng vào môi trường trong suốt thứ hai.
- D. bị gãy khúc tại mặt phân cách giữa hai môi trường và đi vào môi trường trong suốt thứ hai.

Câu 23: Để truyền tải điện năng đi xa, ta phải dùng loại máy nào sau đây :

- A. Máy khoan.
- B. Máy biến thế.
- C. Máy tiện.
- D. Máy đục.

Câu 24: Dòng điện xoay chiều không có tác dụng nào sau đây :

- A. Tác dụng quang học.
- B. Tác dụng từ.
- C. Tác dụng nhiệt.
- D. Tác dụng hóa học.

Câu 25: Có một bóng đèn mắc vào hiệu điện thế 24V không đổi, đèn sáng bình thường. Thay bằng nguồn điện xoay chiều cũng có hiệu điện thế 24V, độ sáng đèn sẽ như thế nào?

- A. Sáng mờ hơn.
- B. Không sáng vì đèn này không thể mắc vào nguồn điện xoay chiều.
- C. Sáng nhiều hơn bình thường
- D. Vẫn sáng bình thường.

Câu 26: Câu nào dưới đây liệt kê đầy đủ những đặc điểm của hiện tượng khúc xạ ánh sáng?

- A. Tia sáng là đường thẳng.